

Số: 07/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lù Seo T, sinh năm 2000; dân tộc: Nùng; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CC: 002200004287 do BCA cấp ngày 15/5/2025; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Sủng Thị D, sinh năm 2002; dân tộc: Giáy; nghề nghiệp: Làm ruộng; số CCCD: 002302006131 do Cục C - BCA cấp ngày 13/9/2022; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/01/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lù Seo T và chị Sủng Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù Seo T và chị Sủng Thị D nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04 ngày 11/01/2024 của Ủy ban

nhân xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Anh Lù Seo T và chị Sùng Thị D xác nhận có 01 con chung là Lù Gia K, sinh ngày 04/01/2024, sau khi ly hôn chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lù Gia K cho đến khi đủ 18 tuổi; anh T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/02/2026 cho đến khi đủ 18 tuổi, chị D là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung, thời điểm giao con kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lù Seo T và chị Sùng Thị D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tát Ngà, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh